BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 73 /2026/TT-BXD	*Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định về phân cấp và quy trình kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 354/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về phân cấp và quy trình kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về phân cấp và quy trình kiểm tra chuyên ngành trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Chương II
PHÂN CẤP THẨM QUYỀN VÀ TỔ CHỨC KIỂM TRA

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành

1. Cục trưởng các Cục thuộc Bộ thực hiện kiểm tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý tại các quyết định của Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Cục, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Ngoài các nội dung đã được phân cấp cho Cục trưởng tại khoản 1 Điều này, đối với các ngành, lĩnh vực còn lại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, Vụ trưởng các Vụ được giao chức năng tham mưu quản lý nhà nước về ngành,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

lĩnh vực đó có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Bộ trưởng tiến hành kiểm tra chuyên ngành theo quy định.

3. Bộ trưởng quyết định việc kiểm tra trong các trường hợp sau:

a) Nội dung kiểm tra thuộc phạm vi quản lý của từ hai Cục trở lên;

b) Đối tượng kiểm tra là Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Cuộc kiểm tra có nội dung phức tạp, nhạy cảm, phạm vi rộng hoặc liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 4. Tổ chức Đoàn kiểm tra và kế hoạch kiểm tra chuyên đề

1. Đoàn kiểm tra của Bộ Xây dựng

a) Đoàn kiểm tra của Bộ Xây dựng do Bộ trưởng quyết định thành lập để thực hiện các cuộc kiểm tra thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng.

b) Văn phòng Bộ chủ trì tham mưu Bộ trưởng ban hành quyết định kiểm tra, tổ chức triển khai Đoàn kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kết quả kiểm tra.

c) Các Cục, Vụ và cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Văn phòng Bộ; cử người có chuyên môn phù hợp, cung cấp thông tin, tài liệu và thực hiện nhiệm vụ theo quyết định kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra và phân công của Trưởng đoàn kiểm tra.

2. Đoàn kiểm tra trong phạm vi được phân cấp

a) Cục trưởng quyết định kiểm tra, thành lập Đoàn kiểm tra và tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra trong phạm vi được phân cấp tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

b) Cục trưởng quyết định việc tham mưu, phối hợp, tổ chức triển khai, quản lý hồ sơ, theo dõi sau kiểm tra phù hợp với cơ cấu tổ chức, đặc điểm ngành, lĩnh vực, yêu cầu quản lý của Cục và các quy định pháp luật.

3. Kế hoạch kiểm tra chuyên đề

a) Kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Bộ Xây dựng được xây dựng định kỳ hằng năm hoặc khi phát sinh yêu cầu quản lý nhà nước cần bổ sung kế hoạch.

b) Chậm nhất ngày 15 tháng 11 hằng năm, các Cục, Vụ thuộc Bộ đề xuất kế hoạch kiểm tra chuyên đề của năm sau gửi về Văn phòng Bộ theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Văn phòng Bộ tổng hợp, tham mưu trình Bộ trưởng phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề chậm nhất ngày 25 tháng 12 hằng năm theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Trường hợp phát sinh theo yêu cầu của công tác quản lý nhà nước, các Cục, Vụ thuộc Bộ đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kiểm tra chuyên đề gửi về Văn phòng Bộ theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này; Văn phòng Bộ tổng hợp, tham mưu trình Bộ trưởng phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra điều chỉnh.

đ) Cục trưởng các Cục thuộc Bộ phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề trong phạm vi quản lý được phân cấp tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương III
QUY TRÌNH KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

Điều 5. Quyết định kiểm tra và chuẩn bị tiến hành kiểm tra

1. Việc ban hành quyết định kiểm tra, thành lập Đoàn kiểm tra, xác định địa điểm, thời hạn kiểm tra và xây dựng, ban hành Kế hoạch tiến hành kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP và Mẫu số 03, Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trước khi ban hành quyết định kiểm tra, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì có trách nhiệm:

a) Rà soát thẩm quyền, căn cứ pháp lý, đối tượng, nội dung, phạm vi, thời kỳ và thời hạn kiểm tra;

b) Rà soát, xử lý để tránh chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước và hoạt động kiểm tra khác;

c) Đề xuất thành phần tham gia Đoàn kiểm tra có chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra;

d) Xác định nguồn lực cần thiết bảo đảm thực hiện cuộc kiểm tra.

3. Quyết định kiểm tra được gửi cho đối tượng kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Điều 6. Hình thức kiểm tra và tiến hành kiểm tra

1. Kiểm tra chuyên ngành được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến, từ xa theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP. Người ra quyết định kiểm tra căn cứ tính chất, nội dung, yêu cầu của cuộc kiểm tra và điều kiện về dữ liệu, công nghệ, phương tiện kỹ thuật để quyết định hình thức kiểm tra phù hợp.

2. Việc công bố quyết định kiểm tra, thu thập, kiểm tra, đối chiếu thông tin, hồ sơ, tài liệu, yêu cầu giải trình, xác minh và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

3. Đoàn kiểm tra chỉ được yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan trực tiếp đến đối tượng, nội dung, phạm vi và thời kỳ kiểm tra; đánh giá việc chấp hành pháp luật trên cơ sở quy định của pháp luật chuyên ngành, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng, hồ sơ quản lý và dữ liệu chuyên ngành.

4. Trường hợp cần thiết phải lấy mẫu, đo đạc, thử nghiệm, kiểm định hoặc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật làm căn cứ để xem xét, đánh giá kết quả kiểm tra thì việc lấy mẫu, đo đạc, thử nghiệm, kiểm định hoặc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Trường hợp kiểm tra trực tuyến, từ xa mà không thu thập được đầy đủ dữ liệu, thông tin phục vụ công tác kiểm tra, Trưởng đoàn báo cáo người ra quyết định kiểm tra xem xét, quyết định chuyển sang kiểm tra trực tiếp. Việc tiếp nhận, xác thực, ký, gửi, quản lý và lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, dữ liệu, lưu trữ, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

6. Khi kiểm tra thực tế tại hiện trường hoặc cơ sở đang hoạt động, Đoàn kiểm tra phải tuân thủ quy định về an toàn, an ninh, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng kiểm tra.

Điều 7. Biên bản kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra

1. Việc lập, ký biên bản kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra thực hiện theo khoản 3 Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP và Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Biên bản kiểm tra phải phản ánh đầy đủ nội dung, kết quả kiểm tra; nêu rõ căn cứ pháp lý, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hoặc yêu cầu kỹ thuật được sử dụng để đánh giá; ý kiến của đối tượng kiểm tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

3. Trường hợp đối tượng kiểm tra không ký biên bản, Trưởng đoàn ghi rõ lý do trong biên bản và thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

4. Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm hoặc nội dung vượt thẩm quyền xử lý, Trưởng đoàn báo cáo người ra quyết định kiểm tra để chuyển hồ sơ, tài liệu đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

5. Việc lập báo cáo kết quả kiểm tra, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP và Mẫu số 06, Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này. Người ra quyết định kiểm tra quyết định thời hạn gửi báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra.

6. Việc gia hạn kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP và Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Theo dõi, đôn đốc thực hiện sau kiểm tra

Việc theo dõi, đôn đốc, thực hiện quyết định xử lý về kiểm tra chuyên ngành và văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra chuyên ngành được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Hồ sơ kiểm tra chuyên ngành

1. Hồ sơ kiểm tra gồm có các văn bản, tài liệu sau đây:

a) Kế hoạch kiểm tra chuyên đề (nếu có);

b) Quyết định kiểm tra chuyên ngành;

c) Kế hoạch tiến hành kiểm tra chuyên ngành;

d) Biên bản kiểm tra;

đ) Báo cáo, giải trình của đối tượng kiểm tra; biên bản giao nhận, trả hồ sơ, tài liệu (nếu có);

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

e) Báo cáo kết quả kiểm tra;

g) Văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra chuyên ngành (nếu có); quyết định xử lý vi phạm hành chính (nếu có);

h) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức hoàn chỉnh, bàn giao hồ sơ kiểm tra cho cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra để quản lý, lưu trữ dưới dạng giấy hoặc điện tử theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật có liên quan.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

2. Cuộc kiểm tra chuyên ngành đã có quyết định kiểm tra trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng tại thời điểm ban hành quyết định kiểm tra.

3. Kế hoạch kiểm tra chuyên đề đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt; việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sau ngày Thông tư này có hiệu lực được thực hiện theo Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật;
- Công báo, Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật;
- Cổng TTĐT của Bộ Xây dựng;
- Các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, VPB (200 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ XÂY DỰNG

Nguyễn Văn Sinh

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

PHỤ LỤC
BIỂU MẪU TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 73/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01	Đề xuất kế hoạch kiểm tra chuyên đề
Mẫu số 02	Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề
Mẫu số 03	Quyết định kiểm tra chuyên ngành
Mẫu số 04	Kế hoạch tiến hành kiểm tra chuyên ngành
Mẫu số 05	Biên bản kiểm tra
Mẫu số 06	Báo cáo kết quả kiểm tra chuyên ngành
Mẫu số 07	Văn bản chấn chỉnh
Mẫu số 08	Quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra chuyên ngành

Căn cứ yêu cầu thực tế, cơ quan, người có thẩm quyền có thể điều chỉnh hình thức trình bày, bổ sung các trường thông tin, nội dung chi tiết trong các mẫu biểu cho phù hợp trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu số 01: Đề xuất kế hoạch kiểm tra chuyên đề

.....(1) **.....(2)** Số: / ..... V/v đề xuất kế hoạch kiểm tra chuyên đề	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày ... tháng ... năm .....*

Kính gửi: .....(3)

Căn cứ Thông tư số /2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp và quy trình kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao .....(2) đề xuất kế hoạch kiểm tra chuyên đề như sau:

TT	Chuyên đề/ Nội dung kiểm tra	Tên tổ chức/ Cá nhân được kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra (4)	Thời gian kiểm tra (dự kiến)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, (5).

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, đơn vị đề xuất kế hoạch kiểm tra.

(3) Tên cơ quan được giao tham mưu, tổng hợp Kế hoạch kiểm tra chuyên đề.

(4) Thời kỳ kiểm tra là khoảng thời gian thực hiện chính sách, pháp luật, quy định về chuyên môn - kỹ thuật của đối tượng kiểm tra được xem xét, đánh giá trong một cuộc kiểm tra.

(5) Tên viết tắt người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu số 02: Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề

……(1) ……..(2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-(3)	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề

……..(4)

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số /2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp và quy trình kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ.... (5);

Căn cứ.... (6);

Theo đề nghị của ……..(7).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Kế hoạch kiểm tra chuyên đề của..... (2) (Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. .....(7) có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch kiểm tra này.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc....(2) và (8), cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - ……(9); - Lưu: VT, (11).	**……(4)** *(Chữ ký, dấu)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

.....(1) **.....(2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục

KẾ HOẠCH KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ NĂM .....

(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-(3) ngày ..... tháng ..... năm ..... của (2))

TT	Chuyên đề/ Nội dung kiểm tra	Tên tổ chức/ Cá nhân được kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra (10)	Thời gian kiểm tra (dự kiến)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ban hành kế hoạch kiểm tra.

(3) Tên viết tắt của cơ quan ban hành kế hoạch kiểm tra.

(4) Chức danh của người ra quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra.

(5) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành Kế hoạch kiểm tra.

(6) Văn bản của cơ quan, đơn vị đề xuất kế hoạch kiểm tra.

(7) Thủ trưởng đơn vị được giao tham mưu, tổng hợp kế hoạch kiểm tra.

(8) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề xuất kế hoạch kiểm tra.

(9) Thanh tra Chính phủ (đối với Quyết định của Bộ) hoặc Thanh tra tỉnh (đối với Quyết định của UBND các cấp).

(10) Thời kỳ kiểm tra là khoảng thời gian thực hiện chính sách, pháp luật, quy định về chuyên môn - kỹ thuật của đối tượng kiểm tra được xem xét, đánh giá trong một cuộc kiểm tra.

(11) Tên viết tắt của đơn vị được giao tham mưu, tổng hợp kế hoạch kiểm tra chuyên đề.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu số 03: Quyết định kiểm tra chuyên ngành

.....(1) **.....(2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....(3)	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Kiểm tra chuyên ngành việc chấp hành quy định của pháp luật về ...

.....(4)

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ.... (5);

Căn cứ.... (6);

Căn cứ.... (7);

Theo đề nghị của .....(8).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về ..... đối với .....(9).

Thời kỳ kiểm tra: .....

Thời hạn kiểm tra: ... ngày làm việc, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra.

Điều 2. Thành lập Đoàn kiểm tra, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông (bà): ....., Trưởng đoàn;

2. Ông (bà): ....., Phó Trưởng đoàn (nếu có);

3. Ông (bà): ....., Thành viên;

4. Ông (bà): ....., Thành viên;

5. ...

Điều 3. Đoàn kiểm tra có trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 8, Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ và nhiệm vụ cụ thể tại Điều 1 Quyết định này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 4. Các ông (bà) có tên tại Điều 2; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và ... (9) chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- .....(1);
- .....(9);
- .....(10);
- .....(11);
- Lưu: VT, (12), HSKT.

.....(4)
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(3) Tên viết tắt của cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(4) Chức danh của người ban hành quyết định kiểm tra.

(5) Văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực kiểm tra.

(6) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(7) Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề.

(8) Thủ trưởng đơn vị chủ trì kiểm tra.

(9) Tên đầy đủ của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng kiểm tra.

(10) Cơ quan, đơn vị được giao tham mưu, tổng hợp kế hoạch kiểm tra.

(11) Tên của đơn vị phối hợp (nếu có).

(12) Tên viết tắt đơn vị chủ trì kiểm tra.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu số 04: Kế hoạch tiến hành kiểm tra chuyên ngành

.....(1) **ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../KH-...	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

Thực hiện Quyết định kiểm tra số ...(2), Trưởng đoàn kiểm tra lập kế hoạch tiến hành kiểm tra như sau:

1. Mục đích: .....

2. Yêu cầu: .....

3. Đối tượng, nội dung kiểm tra: .....

3.1. Tổ chức, cá nhân được kiểm tra: .....

3.2. Nội dung kiểm tra: .....

3.3. Thời gian kiểm tra: .....

3.4. Địa điểm kiểm tra: .....

3.5. Phương thức kiểm tra: .....

4. Phân công nhiệm vụ:

.....

5. Dự kiến nguồn lực cho hoạt động kiểm tra:

.....

6. Những vấn đề khác (nếu có): .....

Nơi nhận: - .....(3); - Thành viên Đoàn kiểm tra; - Lưu: Hồ sơ Đoàn kiểm tra.	**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

PHÊ DUYỆT CỦA NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(2) Người ban hành quyết định kiểm tra.

(3) Đối tượng kiểm tra.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu số 05: Biên bản kiểm tra

.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐOÀN KIỂM TRA	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THEO QĐ SỐ ...	
Số: ...../BB-...	....., *ngày ... tháng ... năm .....*

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Vào hồi .... giờ....ngày..../.../..., tại .....(2), Đoàn kiểm tra tiến hành làm việc đối với .....(3) về việc kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật .....

1. Thành phần:

1.1. Đại diện Đoàn kiểm tra:

- Ông (bà):..... Chức vụ: .....;

- .....

1.2. Đại diện...(3) ...:

- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....;

- .....

2. Nội dung làm việc: Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật .....

.....

3. Kết quả kiểm tra, tồn tại, hạn chế, vi phạm, biện pháp xử lý (nếu có) .....

.....

4. Kiến nghị, giải trình của tổ chức, cá nhân được kiểm tra .....

Biên bản kết thúc vào hồi ... giờ ... ngày .../.../...

Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản, đơn vị được kiểm tra giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN .....(3)	**ĐOÀN KIỂM TRA**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(2) Địa điểm lập biên bản làm việc.

(3) Tên đầy đủ của đối tượng kiểm tra.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu số 06: Báo cáo kết quả kiểm tra chuyên ngành

.....(1) **ĐOÀN KIỂM TRA** **THEO QĐ SỐ ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày ... tháng ... năm .....

BÁO CÁO
Kết quả kiểm tra

Thực hiện Quyết định số ... ngày .../.../... của... về ..... ; từ ngày .../.../... đến ngày .../.../.... Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại .....

Trong quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã làm việc với ..... và tiến hành kiểm tra các nội dung theo kế hoạch tiến hành kiểm tra.

Sau đây là kết quả kiểm tra:

1. Khái quát chung về đối tượng kiểm tra;

2. Kết quả kiểm tra[1];

3. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có);

4. Giải trình, kiến nghị của đối tượng kiểm tra (nếu có);

5. Kiến nghị của Đoàn kiểm tra (nếu có).

Trên đây là Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra./.

Nơi nhận: - .....(2); - Lưu: ...., Hồ sơ Đoàn kiểm tra.	**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(2) Thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

[1] Phản ánh đầy đủ kết quả kiểm tra từng nội dung, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, nguyên nhân/trách nhiệm vi phạm.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu số 07: Văn bản chấn chỉnh

.....(1) .....(2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../...-... V/v chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

Kính gửi: ..... (3)

Căn cứ Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số ... (4), ... (2) thông báo và yêu cầu ..... (3) thực hiện các nội dung sau:

1. Nội dung tồn tại, sai sót phát hiện qua kiểm tra

(Nêu rõ từng nội dung tồn tại, sai sót)

.....

2. Yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục

(Nêu rõ yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục đối với từng nội dung tồn tại, sai sót)

.....

3. Tổ chức thực hiện

Trong thời hạn ... ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, ... (3) báo cáo *(bằng văn bản)* kết quả thực hiện và gửi kèm hồ sơ, tài liệu có liên quan về ... (5).

Giao ..... (5) theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của ..... (3) theo quy định./.

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - Lưu: VT, ... (7) HSKT (...bản)	..... (6) *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(3) Tên đối tượng kiểm tra chuyên ngành.

(4) Số, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành, trích yếu của Quyết định kiểm tra chuyên ngành.

(5) Đơn vị được giao thực hiện kiểm tra chuyên ngành.

(6) Chức vụ, chức danh của người ban hành văn bản chấn chỉnh.

(7) Tên viết tắt của đơn vị chủ trì kiểm tra.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu số 08: Quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra chuyên ngành

.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....(3)	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn thời hạn kiểm tra chuyên ngành
..... (4)

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ ..... (5);

Căn cứ ..... (6);

Theo đề nghị của Trưởng đoàn kiểm tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời hạn kiểm tra của Đoàn kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định ..... (6).

Thời gian gia hạn là ... ngày, kể từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng đoàn kiểm tra, ... (7) và ... (8) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:	..... (4)
- Như Điều 3;	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Lưu: VT, (9), HSKT	

Ghi chú:

(1) Tên đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).
(2) Tên đơn vị ban hành quyết định kiểm tra.
(3) Tên viết tắt của đơn vị ban hành quyết định kiểm tra.
(4) Chức danh của người ban hành quyết định kiểm tra.
(5) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị ban hành quyết định kiểm tra.
(6) Quyết định kiểm tra được gia hạn.
(7) Tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.
(8) Đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.
(9) Tên viết tắt đơn vị chủ trì kiểm tra.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn